

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Phương

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Phạm Văn Vũ

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 1541/2021/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1991 (Anh Nghĩa có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 18/1 ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

***2. Bị đơn:*** Chị Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 18/1 ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Trung N trình bày:***

Anh và chị Huỳnh Thị Bé N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/8/2012. Khi sống chung anh và chị N có hai con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/5/2014.

Cuộc sống hôn nhân của anh và chị N không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, bắt đầu từ khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Sau đó khoảng giữa năm 2019 anh có nộp đơn yêu cầu ly hôn đơn phương đối với chị N, sau khi được Tòa án hòa giải thì anh chị cho nhau cơ hội để vợ chồng hàn gắn, chăm lo cho con. Nhưng từ sau khi anh rút đơn thì mâu thuẫn vẫn còn, cuộc sống hôn nhân vẫn không hạnh phúc nên anh và chị N mỗi người tự đi làm ăn xa không sống chung nhau, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi các con Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/5/2014. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con con chung

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng chị Huỳnh Thị Bé N vắng mặt nên không có lời trình bày.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Thị Bé N không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trung N. Anh Nghĩa không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/5/2014 (theo nguyện vọng cháu Thư và cháu Nhân); ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh N trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Trung N thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc chị Huỳnh Thị Bé N vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng chị N vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Trung N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung N và chị Huỳnh Thị Bé N kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của anh N Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân của anh Nghĩa và chị N không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, bắt đầu từ khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Sau đó khoảng giữa năm 2019 anh N có nộp đơn yêu cầu ly hôn đơn phương đối với chị N, sau khi được Tòa án hòa giải thì anh chị cho nhau cơ hội để vợ chồng hàn gắn, chăm lo cho con, nhưng sau đó vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn, không hàn gắn được. Theo biên bản xác minh ngày 06/7/2021 của Tòa án đối với ông Trần Văn H là trưởng ấp Quý An Hòa, xã Hòa Lợi thì ông H cho biết là giữa anh Nghĩa và bà Huệ có mâu thuẫn trong cuộc sống nên nhiều lần anh N và chị N yêu cầu ông hòa giải, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về tình cảm vợ chồng, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị N đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Nghĩa không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Anh Nghĩa và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/5/2014. Xét thấy, từ lúc anh Nghĩa và chị N có mâu thuẫn, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Nhân và đồng thời cháu T và cháu N có nguyện vọng muốn sống với với mẹ. Do đó, việc chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản chung: Anh N trình bày không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên

Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh N trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Anh Nghĩa phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[ 8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trung N. Anh Nghĩa được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bé N.

Anh Nghĩa không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi các con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 24/5/2014 (theo nguyện vọng cháu T và cháu N). Ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở vì lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Anh N trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Trung N phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005127 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Hòa Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Văn Phương**